

Số: 393/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 15 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 832/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Minh N, sinh năm 1990;

Hộ khẩu thường trú: D48, ấp Mỹ Hòa 2, xã X, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đ, tỉnh A.

Và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991;

Hộ khẩu thường trú: 19/7E, Tổ 66B, Khu phố 6, phường T, Quận Y Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: “V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2013 (Giấy chứng nhận kết hôn số 216/2013, quyển số 02/2013 do UBND phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/2013). Nay ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị H yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị H không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị H cùng xác nhận tiền tạm ứng lệ phí ông N nộp. Ông N – bà H thỏa thuận: Ông N tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 216/2013, quyền số 02/2013 do UBND phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/2013 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Minh N tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Ông Trần Minh N được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0105070 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Minh N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 12, TPHCM;
- Chi Cục THADS Quận 12, TPHCM;
- UBND phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Sang